

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường trục động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình (Hoa Lư – Nam Định).

- Địa điểm thực hiện: Dự án qua địa bàn các xã, phường: Nam Lý, Hiền Khánh, Minh Tân, Tân Minh, Vũ Dương, Phong Doanh, Ý Yên, Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc, Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nam Định.

- Tổng mức đầu tư Dự án: 13.850 tỷ đồng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi

- Phạm vi Dự án đi qua địa giới hành chính các xã, phường: Nam Lý, Hiền Khánh, Minh Tân, Tân Minh, Vũ Dương, Phong Doanh, Ý Yên, Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc, Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình với tổng chiều dài khoảng 39 km, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến chính (chiều dài khoảng 21 km)	Km0+000 (tại nút giao giữa QL.1 và tuyến tránh QL.1) thuộc địa phận phường Tây Hoa Lư. Tọa độ địa lý: 20°19'6.31"Bắc, 105°56'32.42"Đông.	Km20+993 (giao cắt đường vành đai 2/ĐT.485B) thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Tọa độ địa lý: 20°25'1.39"Bắc, 106°6'35.68"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các xã phường: phường Tây Hoa Lư (khoảng 0,67km), Phong Doanh (khoảng 4,23km), Ý Yên (khoảng 1,95km), Vũ Dương (khoảng 3,08km), Tân Minh (khoảng 2,75km), Minh Tân (khoảng 4,92km), Hiền Khánh (khoảng 2,28km) và phường Mỹ Lộc (khoảng 1,12km).</i>		
2	Tuyến vành đai 2 (chiều dài khoảng 12,2km)	Km0+000 (trùng điểm cuối tuyến chính) thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Tọa độ địa lý: 20°25'1.39"Bắc, 106°6'35.68"Đông.	Km12+200 (khoảng Km81+550-QL.38B, kết nối với tuyến đường nối 2 đền Trần và cầu vượt sông Châu Giang) thuộc địa phận phường Thiên Trường. Tọa độ địa lý: 20°28'16.34"Bắc, 106°10'34.09"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các phường: Mỹ Lộc (khoảng 5,45km), Đông A (khoảng 4,07km) và Nam Định (khoảng 2,58km), phường Thiên Trường (0,1km).</i>		

TT	Hạng mục	Điểm đầu	Điểm cuối
3	Tuyến nhánh kết nối đền Trần (chiều dài khoảng 5,1 km)	Km0+000 (tại nút giao với tuyến đường vành đai 2, lý trình khoảng Km4+990 thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Toạ độ địa lý: 20°27'26.94"Bắc, 106°6'52.50"Đông.	Km5+100 (tại nút giao QL.10) thuộc địa phận phường Nam Định. Toạ độ địa lý: 20°26'48.19"Bắc, 106°9'39.79"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các phường: Mỹ Lộc (khoảng 1,04km), Đông A (khoảng 2,62km) và Nam Định (khoảng 1,44km).</i>		
4	Tuyến nhánh kết nối vành đai 2 với tuyến đường nối 02 đền Trần (chiều dài khoảng 0,7km)	Km0+000 (tại khoảng Km12+200- Vành đai 2) thuộc địa phận phường Thiên Trường. Toạ độ địa lý: 20°28'16.34"Bắc, 106°10'34.09"Đông.	Km0+700 (tại nút giao QL.38B) thuộc địa phận xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình. Toạ độ địa lý: 20°28'33.03"Bắc, 106°10'16.62"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm: phường Thiên Trường (khoảng 0,42km), xã Nam Lý (khoảng 0,28km).</i>		

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường, gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng (tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập); hoạt động khai thác các loại nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công; trạm trộn bê tông nhựa, trạm trộn bê tông xi măng (các nguyên vật liệu này được các nhà cung cấp vận chuyển đến chân công trình theo Hợp đồng).

b. Quy mô, công suất

* Các hạng mục công trình chính

(1) Phân tuyến: Xây dựng 04 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 39 km, gồm:

- Tuyến chính: Điểm đầu tại nút giao giữa Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc lộ 1, điểm cuối tại nút giao với đường tỉnh ĐT.485B, chiều dài khoảng 21km; Quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền} = 49m$ và các công trình trên tuyến (các đoạn qua khu dân cư giải phóng mặt bằng đủ quy mô mặt cắt 122m và làm đường gom dân sinh).

- Tuyến vành đai 2: Điểm đầu giao với điểm cuối tuyến chính; điểm cuối giao với điểm đầu tuyến nhánh kết nối với tuyến đường nối 02 đền Trần, chiều dài khoảng 12,2km; quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền} = 57m$ và các công trình trên tuyến (các đoạn qua khu dân cư giải phóng mặt bằng đủ quy mô mặt cắt 68 m và làm đường gom dân sinh).

- Tuyến nhánh kết nối đền Trần: Điểm đầu giao với tuyến đường vành đai 2 tại Km4+990, điểm cuối giao Quốc lộ 10, chiều dài khoảng 5,1 km; quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền} = 41m$ và các công trình trên tuyến (các đoạn qua khu dân cư giải phóng mặt bằng đủ quy mô mặt cắt 52m và làm đường gom dân sinh).

- Tuyến nhánh kết nối vành đai 2 với tuyến đường nối 02 đền Trần: Điểm đầu tại nút giao giữa đường vành đai 2 và Quốc lộ 38B, điểm cuối tại nút giao Quốc lộ 38B (điểm cuối tuyến đường kết nối 02 đền Trần), chiều dài khoảng 0,7km; quy mô 04 làn xe cơ giới, chiều rộng nền đường $B_{nền} = 57m$ và các công trình trên tuyến, xây dựng cầu vượt sông Châu Giang (các đoạn qua khu dân cư giải phóng mặt bằng đủ quy mô mặt cắt 68m và làm đường gom dân sinh).

(2) Công trình cầu:

Phạm vi Dự án bố trí 07 cầu trên tuyến, cụ thể:

TT	Lý trình	Bề rộng cầu (m)	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài toàn cầu (m)	Tên sông (kênh, mương, đường)	Ghi chú
TUYẾN CHÍNH						
1	Km 0+650	2x17,25	39.15+5x40+39.15 +(70+110+70)+39.15	897,0	Vượt sông Đáy	Tỉnh không thông thuyền vượt sông Đáy BxH = 50x7m, vượt đê $H \geq 4,75m$. Kết cấu nhịp cầu dẫn dầm superT, cầu chính dầm hộp liên tục đúc hẫng cân bằng.
2	Km 5+150	2x16.0	39.15+8x40+39.15	410,3	Vượt cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	Cầu vượt cao tốc, tỉnh không $H \geq 5,0m$. Kết cấu nhịp dầm superT.
3	Km12+324.2	2x16.0	3x25	96,9	Vượt Sông Sắt	Cầu vượt sông Sắt, tỉnh không thông thuyền sông cấp V. Kết cấu nhịp dầm I
4	Km15+914	12	39.15+6x40+39.15	330,3	Cầu trên ĐT.486B	Cầu trên ĐT 486B. Kết cấu nhịp dầm superT.
TUYẾN VÀNH ĐAI 2						
1	Km 2+790	2x13.25	39.15 + 2x40 + 40.95 + 2 x 42 + 40.95 + 2x40 + 39.15	410,4	Cầu vượt đường sắt, QL21A	Đảm bảo tỉnh không $H \geq 4,75m$ và tỉnh không vượt đường sắt, Kết cấu nhịp dầm superT.
TUYẾN NHÁNH KẾT NỐI ĐỀN TRẦN						
1	Km 4+930	2x16	12+15+12	50,0	Cầu vượt kênh	Kết cấu nhịp dầm bản BTCT DƯ'L
TUYẾN NHÁNH KẾT NỐI VÀNH ĐAI 2 – VỚI TUYẾN ĐƯỜNG NỐI 2 ĐỀN TRẦN						
1	Km 0+400	2x13,5	33+33+33	113,0	Vượt sông Châu Giang	Kết cấu nhịp dầm I BTCT DƯ'L

(3) Nút giao: Trên tuyến bố trí 12 vị trí nút giao, cụ thể:

TT	Lý trình	Cự ly (km)	Giải pháp sơ bộ
I	Tuyến chính		
1	Km0+000.00		Ngã tư, giao bằng.
2	Km4+200.00	4,20	Giao trực T4 dự kiến, trực T4 vượt
3	Km5+200.00	1,00	Vượt cao tốc CT- 01- nút liên thông
4	Km10+700.00	5,50	Giao trực TD.07 dự kiến, T07 vượt
5	Km15+914.00	5,21	Giao ĐT.486B, ĐT.486B vượt
6	Km20+993.00	5,07	Giao vành đai 2, đảo xuyên
II	Vành đai 2		
1	Km2+550		Giao đường sắt, QL.21, cầu vượt đường sắt
2	Km3+450	0,9	Giao CT.11, cầu trên CT.11 vượt
3	Km4+870	1,42	Giao nhánh vào đền Trần, ngã 3
4	Km12+00	7,13	Giao tuyến nối 2 đền Trần, ngã 3
III	Nhánh kết nối vành đai 2 – QL.10		
1	Km5+100		Giao QL10, đảo xuyên
IV	Nhánh kết nối vành đai 2 – Tuyến đường nối 2 đền Trần		
1	Km0+700		Giao QL.38B

(4) Hệ thống thoát nước:

- Các cống ngang được xây dựng tại các vị trí cần thoát nước lưu vực và tại các vị trí cắt qua kênh, mương thủy lợi. Khẩu độ cống được xác định dựa trên kết quả tính toán lưu lượng cần thoát đối với các cống lưu vực và kết quả làm việc, thống nhất thỏa thuận với các cơ quan quản lý, khai thác thủy lợi của địa phương trên cơ sở hiện trạng các công trình thủy lợi, nhu cầu sử dụng, khai thác của địa phương và quy hoạch hệ thống thủy lợi khu vực trong tương lai.

- Tại dải phân cách giữa, bố trí hệ thống rãnh dọc hờ hình thang, kích thước rộng 1,2m sâu 0,4m, rãnh được gia cố bằng tấm BTXM đổ tại chỗ để thoát nước dải phân cách và mặt đường trong đường cong có cấu tạo siêu cao (kết hợp hệ thống cửa thu, dẫn nước từ bó vỉa dải phân cách). Rãnh dọc dải phân cách giữa dọc được nối với hệ thống cống ngang để thoát nước ra khỏi nền đường.

* Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hoạt động cải mương.

- Dải phân cách, bó vỉa, đan rãnh; bố trí dải cây xanh 2 bên tuyến.

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông: Xây dựng, lắp đặt hệ thống lan can phòng hộ, biển báo, vạch sơn, cột km, lưới chống chói, chiếu sáng,... bảo đảm an toàn, thuận tiện cho người, phương tiện tham gia giao thông trên tuyến theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định hiện hành.

- Hệ thống đèn chiếu sáng: Bố trí dọc tuyến.

- Công trường thi công: Dự án dự kiến bố trí 10 công trường trong phạm vi GPMB của Dự án.

* Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động.

+ Bố trí tại mỗi công trường thi công hệ thống cầu rửa xe kích thước kích thước $L \times B \times H = (4,75 \times 2,25 \times 0,4)$ m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng $9,0 \text{ m}^3$.

- CTR thông thường, CTNH:

+ Tại mỗi công trường bố trí 05 thùng chứa rác thải sinh hoạt, loại thùng nhựa dung tích 120 lít, có nắp.

+ Tại mỗi công trường bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 120 lít để lưu giữ chất thải nguy hại. Các thùng đựng chất thải nguy hại được lưu giữ tại kho dạng container rộng 5 m^2 .

+ Bố trí 10 bãi lưu giữ đất dư thừa (có thành phần không nguy hại).

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

Do đặc thù là dự án giao thông nên quá trình vận hành không có công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ, phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi thực hiện Dự án; hoạt động vận hành các công trường thi công, các bãi chứa tạm, hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến; hoạt động vận chuyển đất bóc hữu cơ đến vị trí tập kết tạm, hoạt động vận chuyển đồ thải (sinh khối phát sinh thải bỏ, đất đá dư thừa, chất thải xây dựng), vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của các thiết bị thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường không khí, hoạt động giao thông, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, cây trồng, hệ sinh thái dọc theo tuyến đường và tiềm ẩn nguy cơ sự cố sạt lở.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động duy tu, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

+ Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung; hệ sinh thái khu vực.

+ Xuất hiện các trụ cầu trong dòng chảy sông, gây xói lở 2 bên bờ phía hạ lưu sông.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1

Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)): Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích khoảng 233,38 ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

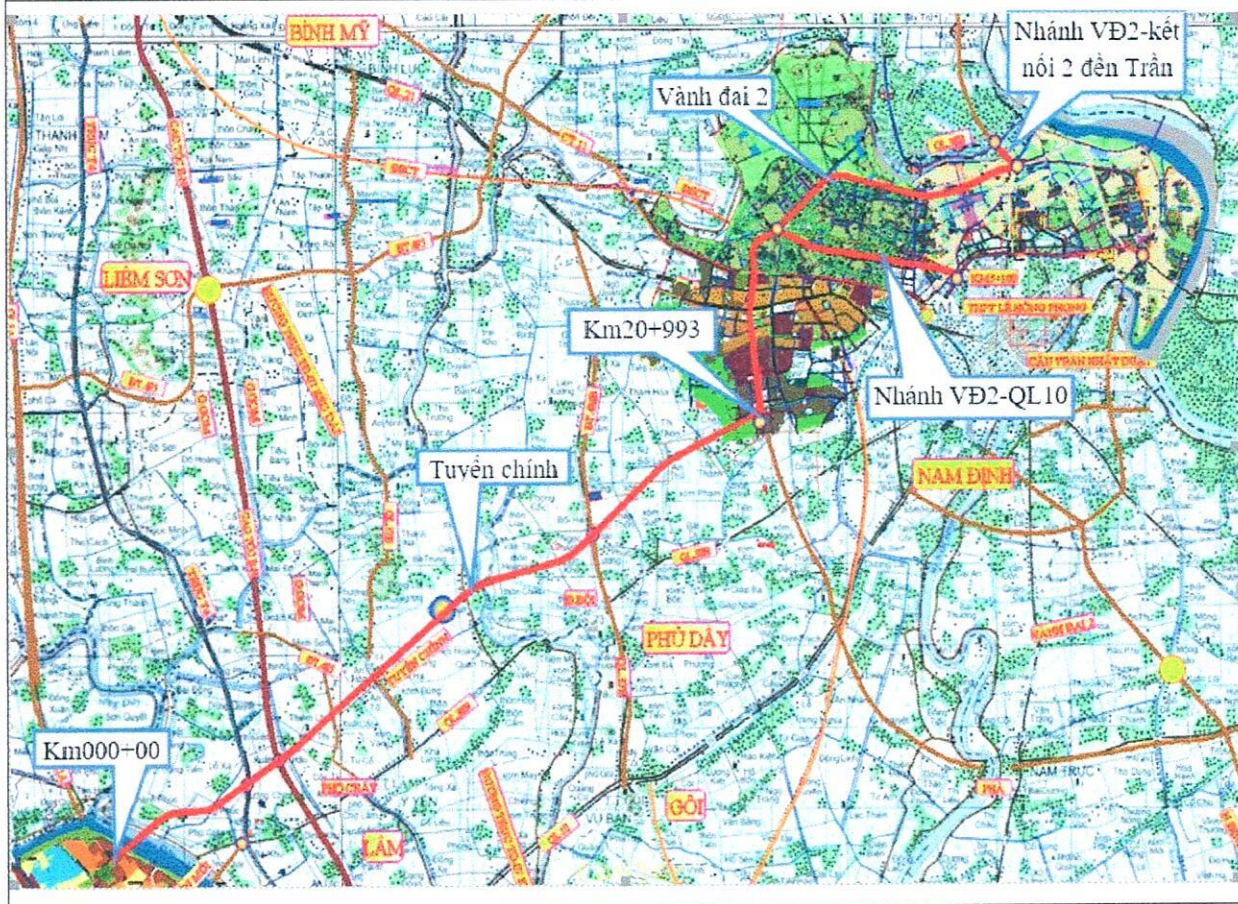
2.1.1. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau

a. Vị trí, ranh giới Dự án

Phạm vi Dự án đi qua địa giới hành chính các xã, phường: Nam Lý, Hiền Khánh, Minh Tân, Tân Minh, Vũ Dương, Phong Doanh, Ý Yên, Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc, Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình với tổng chiều dài khoảng 39 km, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến chính (chiều dài khoảng 21 km)	Km0+000 (tại nút giao giữa QL.1 và tuyến tránh QL.1) thuộc địa phận phường Tây Hoa Lư. Toạ độ địa lý: 20°19'6.31"Bắc, 105°56'32.42"Đông.	Km20+993 (giao cắt đường vành đai 2/ĐT.485B) thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Toạ độ địa lý: 20°25'1.39"Bắc, 106°6'35.68"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các xã phường: phường Tây Hoa Lư (khoảng 0,67km), Phong Doanh (khoảng 4,23km), Ý Yên (khoảng 1,95km), Vũ Dương (khoảng 3,08km), Tân Minh (khoảng 2,75km), Minh Tân (khoảng 4,92km), Hiền Khánh (khoảng 2,28km) và phường Mỹ Lộc (khoảng 1,12km).</i>		
2	Tuyến vành đai 2 (chiều dài khoảng 12,2km)	Km0+000 (trùng điểm cuối tuyến chính) thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Toạ độ địa lý: 20°25'1.39"Bắc, 106°6'35.68"Đông.	Km12+200 (khoảng Km81+550-QL.38B, kết nối với tuyến đường nối 2 đền Trần và cầu vượt sông Châu Giang) thuộc địa phận phường Thiên Trường. Toạ độ địa lý: 20°28'16.34"Bắc, 106°10'34.09"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các phường: Mỹ Lộc (khoảng 5,45km), Đông A (khoảng 4,07km) và Nam Định (khoảng 2,58km), phường Thiên Trường (0,1km).</i>		
3	Tuyến nhánh kết nối đền Trần (chiều dài khoảng 5,1 km)	Km0+000 (tại nút giao với tuyến đường vành đai 2, lý trình khoảng Km4+990 thuộc địa phận phường Mỹ Lộc. Toạ độ địa lý: 20°27'26.94"Bắc, 106°6'52.50"Đông.	Km5+100 (tại nút giao QL.10) thuộc địa phận phường Nam Định. Toạ độ địa lý: 20°26'48.19"Bắc, 106°9'39.79"Đông.
	<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm các phường: Mỹ Lộc (khoảng 1,04km), Đông A (khoảng 2,62km) và Nam Định (khoảng 1,44km).</i>		

TT	Hạng mục	Điểm đầu	Điểm cuối
4	Tuyến nhánh kết nối vành đai 2 với tuyến đường nối 02 đền Trần (chiều dài khoảng 0,7km)	Km0+000 (tại khoảng Km12+200- Vành đai 2) thuộc địa phận phường Thiên Trường. Toạ độ địa lý: 20°28'16.34"Bắc, 106°10'34.09"Đông.	Km0+700 (tại nút giao QL.38B) thuộc địa phận xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình. Toạ độ địa lý: 20°28'33.03"Bắc, 106°10'16.62"Đông.
<i>Tuyến nằm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm: phường Thiên Trường (khoảng 0,42km), xã Nam Lý (khoảng 0,28km).</i>			

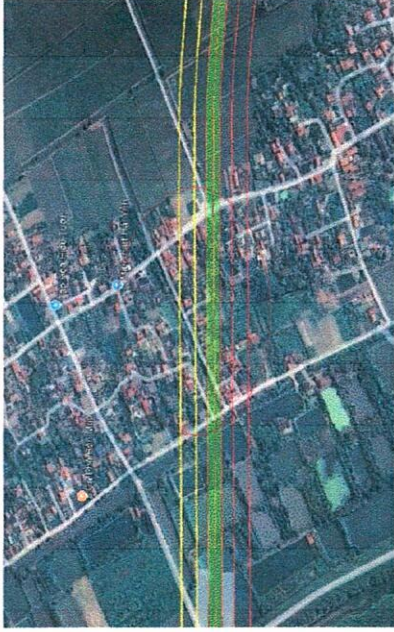


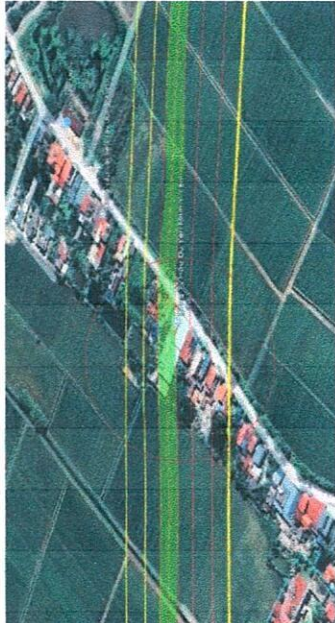
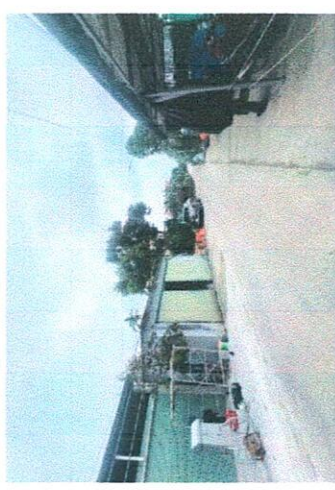
b. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất dự án

Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn của Dự án khoảng 322,39 ha, trong đó đất thổ cư khoảng 11,27 ha; đất chuyên trồng lúa nước khoảng 233,38 ha; đất nuôi trồng thủy sản khoảng 19,09ha; đất trồng cây hàng năm khoảng 12,4ha; đất giao thông khoảng 23,59ha; đất thủy lợi khoảng 17,27ha; đất nghĩa trang khoảng 0,38 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối khoảng 5,0 ha.

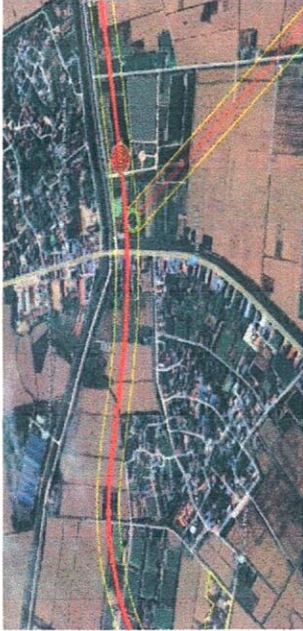
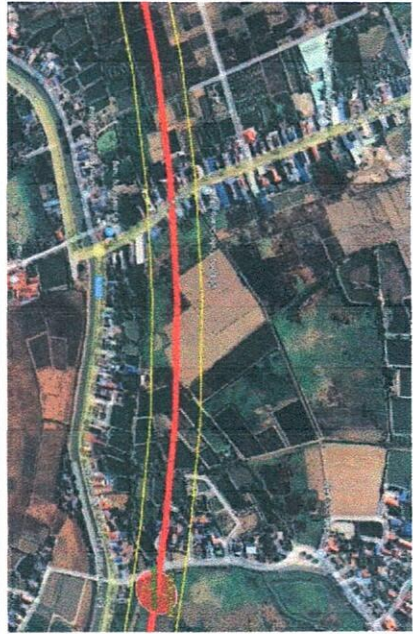
TT	Hạng mục	Phường Tây Hoa Lư	Xã Phong Doanh	Xã Ý Yên	Xã Vũ Dương	Xã Tân Minh	Xã Minh Tân	Xã Hiến Khánh	Phường Mỹ Lộc	Phường Đông A	Phường Nam Định	Phường Thiên Trường	Xã Nam Lý	Tổng
1	Đất thổ cư		2,03	0,75	0,47	0,74	1,61	0,9	0,79	0,63	3,06	0,1	0,19	11,27
2	Đất chuyên trồng lúa nước	2,48	25,97	20,39	21,68	32,58	40,48	16,23	32,35	28,64	9,77	1,14	1,7	233,38
3	Đất giao thông	2,25	1,53	8,09	0,58	0,16	1,18	0,19	8,15	0,65	0,8	-	-	23,59
4	Đất thủy lợi	0,03	2,55	1,01	1,35	0,74	3,43	0,58	3,01	0,62	3,94	-	-	17,27
5	Đất nghĩa trang	-	-	-	-	-	-	-	0,18	0	0,2	-	-	0,38
6	Đất nuôi trồng thủy sản	-	2,4	2,47	-	-	3,79	1,27	3,78	5,37	-	-	-	19,09
7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1,67	2,39	-	-	0,49	-	-	0,45	-	-	-	-	5,00
8	Đất trồng cây hàng năm khác	-	1,07	0,57	-	0,73	-	-	1,47	5,22	1,72	0,99	0,63	12,40
Tổng		6,43	37,94	33,28	24,08	35,44	50,49	19,17	50,18	41,13	19,49	2,23	2,52	322,39

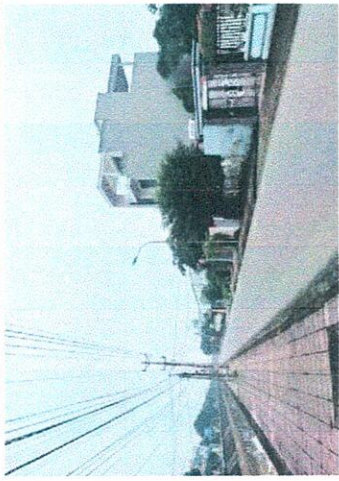
2.1.2. Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

TT	Đối tượng	Lý trình	K/c đến ranh giới tuyến (m)	Vị trí/Hình ảnh
I Khu dân cư dọc tuyến Chính				
1	KDC thôn Hoàng Đan, xã Phong Doanh	Km1+250- 1+350	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 30-50m. Khu dân cư tập trung 2 bên tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.	 
2	KDC thôn Lam Sơn, xã Phong Doanh	Km3+450- Km3+600	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 50-100m. KDC phía phải tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.	 

TT	Đối tượng	Lý trình	K/c đến ranh giới tuyến (m)	Vị trí/Hình ảnh	
3	KDC thôn Ba Trại Thượng, xã Phong Doanh	Km5+600	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 20-50m, chủ yếu tập trung tại vị trí thi công nút giao với đường cao tốc Hà Nội – Ninh Bình phía trái (nhánh lên xuống); có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
4	KDC thôn Trung, xã Vũ Dương	Km8+500	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 20-50m, tập trung 2 bên tuyến đoạn thi công nút giao với ĐT.484; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
5	KDC thôn Ba Trung, xã Tân Minh	Km11+800	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 20-50m; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		

TT	Đối tượng	Lý trình	K/c đến ranh giới tuyến (m)	Vị trí/Hình ảnh	
6	KDC thôn Vân Tập, xã Minh Tân	Km14+000	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 20-100m, trái tuyến, có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
7	KDC thôn Bối Xuyên Hạ, xã Minh Tân	Km15+500	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 20-50m, chủ yếu dọc tuyến ĐT.56 đoạn thi công nhánh nút giao ĐT.56, trái tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
8	KDC thôn Thị An, KDC thôn Vàng, xã Hiền Khánh	Km18+250; Km19+050	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 40-70m, tập trung 2 bên tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		

TT	Đối tượng	Lý trình	K/c đến ranh giới tuyến (m)	Vị trí/Hình ảnh	
II	KDC dọc Tuyến vành đai 2				
1	KDC thôn Trung Quỳên, TDP Hào Thôn, phường Mỹ Lộc	Km1+800; Km2+500	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 50-70m, trái tuyến (KDC thôn Trung Quỳên, lý trình Km1+800); tập trung 2 bên tuyến tại nút giao QL21A, đường sắt Bắc - Nam; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
2	KDC TDP La Chợ, phường Mỹ Lộc	Km4+500- Km5+00	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 50-70m, phải tuyến (lý trình Km4+500-Km4+850), trái tuyến (Km4+850-Km5+000); có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
3	KDC thôn Mai Mỹ, phường Đông A, KDC thôn Cấp Tiến 3, phường Nam Định	Km9+000- Km9+600	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 50-100m, tập trung trái tuyến (KDC thôn Mai Mỹ, phường Đông A, Km9+000-Km9+500), 2 bên tuyến đường Trần Tử Khánh (KDC thôn Cấp Tiến 3, phường Nam Định, Km9+500-Km9+600); có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		

TT	Đối tượng	Lý trình	K/c đến ranh giới tuyến (m)	Vị trí/Hình ảnh	
4	KDC thôn 8 Mỹ Trung, phường Nam Định	Km11+000- Km12+200	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 50-100m, tập trung 2 bên tuyến (lý trình Km11+000-Km11+600), bên phải tuyến (lý trình Km11+500-Km12+200); có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
III	KDC Tuyến nhánh kết nối đến Trần				
1	KDC thôn La, phường Nam Định	Km4+800- Km5+000	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 30-50m, 2 bên tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		
IV	KDC Tuyến nhánh kết nối vành đai 2 với tuyến đường nối 02 đến Trần				
1	KDC thôn 8, xã Nam Lý	Km0+700	Khoảng cách đến ranh Dự án từ 30-50m, 2 bên tuyến; có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.		

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)): Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích khoảng 233,38 ha.

Khoảng cách từ Dự án tới Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường được trình bày tại bảng:

TT	Yếu tố nhận diện nhạy cảm về môi trường của Dự án	Nhận diện	Ghi chú
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	Không	Do là Dự án giao thông công cộng.
2	Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.	Không	Do là Dự án giao thông công cộng nên Dự án sẽ không làm phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành; giai đoạn thi công, toàn bộ nước thải thi công được thu gom, lắng lọc và tuần hoàn tái sử dụng; nước thải sinh hoạt được thu gom thuê đơn vị chức năng hút và vận chuyển đưa đi xử lý.
3	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng phòng hộ...	Không	Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của KBTTN theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng phòng hộ..., vùng bán kính 5km không có các đối tượng này.
4	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa,...	Không	Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa,..., vùng bán kính 2,0 km không có các đối tượng này. Dự án cách đền Trần Thương phía Hà Nam 2,4km về phía Đông; cách đền Trần Nam Định khoảng 13km về phía Nam.
5	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích đất chuyển đổi quy định tại cột (3) số thứ tự 7c Phụ lục III Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.	Có	Dự án đi qua khu vực đất chuyên trồng lúa (LUC) và có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa khoảng 233,38 ha.
6	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.	Không	Khu vực dự án và vùng bán kính 3km không có khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.
7	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.	Có	Phạm vi Dự án có khoảng 142 hộ dân bị thu hồi đất, giải tỏa nhà, có nhu cầu tái định cư, thuộc trường hợp Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Nước thải, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động của người lao động phục vụ Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khoảng $3,75 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}/\text{công trường}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, Tổng nitơ, Tổng photpho, Coliform.

+ Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $3,55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}/\text{công trường}$; thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi, khí thải từ hoạt động đào, đắp, bốc xúc nguyên vật liệu, từ hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thi công do tiêu thụ nhiên liệu với các chất ô nhiễm như SO₂, CO, NO₂, VOC.

+ Bụi, khí thải NO_x, CO, VOC, khói hàn phát sinh từ: hàn kết cấu kim loại; hoạt động trải bê tông nhựa nóng; hoạt động sơn vạch kẻ đường.

- Giai đoạn vận hành:

Hoạt động bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa trên tuyến đường và động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSP, SO_x, NO_x, CO, VOCs.

2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại công trường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng $25 \text{ kg}/\text{ngày}/\text{công trường thi công}$. Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo.

- Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động thi công cọc khoan nhồi xây dựng trụ cầu phát sinh khoảng 23.102 m^3 . Thành phần đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite.

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng $37 \text{ tấn}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì carton, đầu mẫu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa.

- Giai đoạn vận hành:

Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng $3 \div 5$ tấn/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: bê tông, cọc tiêu hồng.

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động văn phòng và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công phát sinh CTNH với khối lượng khoảng 30 kg/tháng/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, ốc quy thải, pin thải, hộp mực in thải.

- Giai đoạn vận hành:

Hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 5,0 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, sơn thừa, mực in.

2.2.3. Tiếng ồn và độ rung

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư với khoảng cách từ 10m ÷ 100m.

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư với khoảng cách từ 10 m ÷ 100 m tính từ phạm vi đất dành cho đường bộ.

5.3.4. Các tác động khác

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ bề mặt tại phần diện tích đất chuyên trồng lúa (LUC) với diện tích khoảng 233,38 ha ($=2.333.800 \text{ m}^2$), chiều cao bóc 0,2m làm phát sinh khoảng 466.760 m^3 . Thành phần là đất có hàm lượng chất hữu cơ cao.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, cải kênh mương..., có nguy cơ gây gián đoạn tưới tiêu, ảnh hưởng tới hệ sinh thái, hoạt động giao thông đường bộ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân khu vực Dự án và có khả năng xảy ra sự cố ngập úng, cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Hoạt động thi công cầu: Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc thi công gây ra rơi vãi nguyên vật liệu, đất đào, bentonite thải xuống các kênh gây ô nhiễm nguồn nước, gia tăng độ đục và xói lở.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh với lưu lượng tối đa khoảng $0,39 \text{ m}^3/\text{s}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ, đất, cát.

- Hoạt động thi công trụ cầu dưới dòng chảy có khả năng ảnh hưởng tới lòng bờ, bãi sông như: Cản trở dòng chảy, có nguy cơ xuất hiện tình trạng xói lở phía hạ lưu cầu; thay đổi vận tốc dòng chảy gây xói; ảnh hưởng đến hệ sinh thái dưới nước, chất lượng nước mặt vị trí thi công cầu và hạ lưu.

b. Giai đoạn vận hành

- Việc hình thành tuyến đường gây phân mảnh đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm dọc tuyến; chia cắt khu dân cư và có thể cản trở khả năng thoát nước do hình thành tuyến đường và có nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

- Tác động tới lòng, bờ, bãi sông: Trong phạm vi Dự án có 03 cầu sẽ có xuất hiện trụ dưới dòng chảy (cầu bắc qua sông có nguy cơ thu hẹp dòng chảy, tăng vận tốc trung bình dòng chảy, tăng mực nước phía thượng lưu, nguy cơ xói lở cục bộ; phạm vi diễn ra khu vực hạ lưu bờ sông trong khoảng 50 - 100 m tương ứng với vị trí bố trí trụ cầu.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt tại mỗi công trường (có bố trí lán trại, nhà điều hành) 02 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ (03 lần/tuần) hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Quy trình thực hiện:

++ Nước thải sinh hoạt (phân nước thải đen) → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

++ Các loại nước thải xám → bể gom → tách dầu (váng dầu được thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án) → lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Thông số kỹ thuật của nhà vệ sinh di động như sau: Rộng x Dài x Cao = (900 x 2) x 1300 x 2500 (mm); Bể chứa chất thải 3.000 lít; bể nước sạch 400 lít.

- Xây dựng tại công trường thi công hệ thống cầu rửa xe kích thước L x B x H = (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng 9,0 m³ để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước, trong đó: bể gom, bể tách dầu mỡ, bể lắng cặn có dung tích khoảng 1,5 m³/bể; bể chứa nước sau xử lý có dung tích khoảng 4,5 m³. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được chuyển về bể chứa để tái sử dụng lại; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn khác của Dự án theo quy định.

+ Quy trình thực hiện: nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → bể gom → tách dầu (váng dầu được thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án) → lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng.

b. Giai đoạn vận hành

Không phát sinh nước thải nên không có các công trình thu gom và xử lý nước thải.

2.3.1.2. Đối với các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại công trường, phun nước khu vực công trường và khu vực tuyến với tần suất tối thiểu 04 lần/ngày vào những ngày hanh khô; đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh công trường thi công, vị trí thi công gần các khu/điểm dân cư đảm bảo hạn chế tối đa bụi, khí thải phát tán vào môi trường không khí xung quanh.

- Thực hiện làm sạch bề mặt trước khi trải thảm nhựa bằng biện pháp hút bụi kết hợp với phun nước tại các đoạn đường đi qua khu dân cư.

b. Giai đoạn vận hành

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo, biển hướng dẫn theo đúng quy định của pháp luật; định kỳ bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa kịp thời các hư hỏng trên tuyến.

- Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh, quy hoạch hệ thống cây xanh khu vực thực hiện dự án, các loại cây được trồng theo phương án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt,... Việc trồng hệ thống cây xanh này có tác dụng cải thiện chất lượng môi trường không khí tại khu vực này.

2.3.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động tại công trường được thu gom, phân loại vào 04 thùng rác dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định, đáp ứng các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định của địa phương.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng từ hạng mục thi công (không bao gồm chất thải nguy hại) sẽ chuyển giao cho Đơn vị đủ chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định.

- Đất đá không có khả năng tận dụng cho dự án, đất lẫn bentonite được vận chuyển về các bãi lưu giữ theo sự chấp thuận của các địa phương; sau khi kết thúc đồ, thực hiện kiểm kê khối lượng đồ tại các bãi lưu giữ và bàn giao cho Đơn vị chức năng quản lý theo đúng quy định.

- Thu dọn công trường và thanh thải lòng kênh sau khi kết thúc thi công.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, tập kết đất đá thải, phế thải theo các quy định của pháp luật liên quan.

b. Giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định ngay sau khi có phát sinh.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa vào 05 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy/công trường thi công, dung tích 120lít/thùng có gắn mã phân định chất thải nguy hại theo quy định và lưu giữ trong các kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có mái che (diện tích khoảng 5,0 m²/công trường), có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, đáp ứng các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

b. Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo dưỡng: thu gom toàn bộ CTNH phát sinh vào thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy, có gắn mã phân định CTNH theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định khi có phát sinh.

2.3.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được cơ quan quản lý đăng kiểm theo quy định. Các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bảo đảm các phương tiện vận chuyển luôn chở đúng tải trọng cho phép. Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động (hạn chế thi công trong thời gian từ 11h30 - 13h30 và từ 22h00 - 06h00 tại các điểm gần khu dân cư).

- Quây hàng rào bằng lưới chắn bụi xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư; hạn chế thi công vào thời gian từ 22h00 - 06h00 tại các khu vực gần khu dân cư tập trung; đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

b. Giai đoạn vận hành

- Kiểm soát các phương tiện vận chuyển đảm bảo đúng tốc độ; thực hiện kiểm soát tải trọng đối với các phương tiện lưu thông trên tuyến, bảo đảm các phương tiện lưu thông trên tuyến đều đúng tải trọng cho phép; trồng hành lang cây xanh xung quanh như hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ mặt đường, tín hiệu giao thông, biển báo an toàn giao thông, biển báo tốc độ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

2.3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Đối với đất hữu cơ bóc từ đất chuyên trồng lúa:

Đất bóc từ đất chuyên trồng lúa nước (LUC) được tận dụng hoàn toàn cho Dự án vào mục đích trồng cây xanh, thậm chí có thể thuộc phạm vi Dự án và được tận dụng hoàn toàn vào mục đích nông nghiệp theo quy định của Luật Trồng trọt. Khối lượng đất bóc từ đất chuyên trồng lúa để tận dụng cho Dự án sẽ được vận chuyển về lưu giữ tạm thời tại phần diện tích đã GPMB giai đoạn hoàn thiện.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa tạm thời tại các vị trí bố trí công trường có dạng hình thang, kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hố lắng kích thước LxBxH khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố với khoảng cách khoảng 100 m/hố lắng xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa vào hố lắng → lắng cặn → môi trường.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động tại các bãi đổ thải:

- Bãi chứa đất, đá được thiết kế bờ bao, đảm bảo độ dốc để thoát nước kịp thời khi trời mưa; tưới ẩm thường xuyên khi trời hanh khô, nhằm hạn chế bụi khuếch tán từ các loại vật liệu đến các đối tượng xung quanh.

- Thực hiện đổ đất, đá dư thừa đúng với các yêu cầu cho phép về diện tích (phạm vi) đổ, trữ lượng cho phép và chiều cao đổ cho phép; theo dõi, giám sát việc thực hiện đổ đất, đá tại các bãi chứa để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các vi phạm (nếu có).

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do ngập úng

- Thực hiện thi công cống, cầu theo đúng thiết kế được cơ quan quản lý thẩm duyệt.

- Thiết kế, tính toán cống thoát nước đảm bảo đủ khẩu độ thoát nước, không làm ảnh hưởng đến điều kiện thủy văn khu vực tuyến đi qua; không làm cản trở dòng chảy, gây ngập úng khi Dự án đi vào vận hành.

- Định kỳ kiểm tra, vớt rác, nạo vét hố ga dọc tuyến đảm bảo công tác thoát nước mưa là liên tục, tránh tình trạng ứ đọng nước cục bộ ảnh hưởng đến thoát nước mặt của tuyến đường.

đ. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí

nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

e. Biện pháp giảm thiểu tác động khác:

Tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng và đất canh tác của người dân dọc tuyến; bố trí cống thoát nước qua đường với kích thước phù hợp theo thỏa thuận với địa phương để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo đúng yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án; thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng sông, kênh, mương khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công; thỏa thuận với các cơ quan quản lý các công trình thủy lợi; đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước; không gây sạt, lở bờ sông, kênh, mương hoặc gây ảnh hưởng đến sự ổn định, an toàn của lòng, bờ, bãi sông, kênh, mương; tháo bỏ các hạng mục công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, đầm nén các vị trí thi công.

2.3.4.2. Giai đoạn vận hành

a. Giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến thoát lũ, ổn định lòng, bờ, bãi sông

- Các vị trí trụ trong phạm vi lòng sông được bố trí thon gọn, thẳng hàng, song song với hướng dòng chảy, đảm bảo hạn chế thấp nhất việc cản trở dòng chảy, nguy cơ xói lở lòng bờ, bãi sông.

- Bố trí kè chống xói dạng đá hộc hoặc kè bê tông được thi công phía hạ lưu của 2 bên bờ sông tương ứng với vị trí bố trí trụ cầu từ 100 -200 m để tránh gây xói cục bộ và ổn định lòng, bờ, bãi sông.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động chia cắt hai bên đường

Các vị trí giao cắt với các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ, tỉnh lộ, dân sinh sẽ bố trí các nút giao, đường gom tại các vị trí phù hợp và theo thỏa thuận với địa phương bảo đảm kết nối và lưu thông thuận lợi, hạn chế chia cắt cộng đồng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân).

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

2.4.1.1. Chương trình quản lý môi trường

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thu gom, vận chuyển, đổ đất, đá dư thừa phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

2.4.1.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Giám sát chất lượng nước mặt:

+ Vị trí giám sát: tại hạ lưu cách vị trí thi công cầu qua sông có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước mặt, gồm: (1) cầu vượt sông Đáy, lý trình khoảng Km 0+650 (tuyến chính), cầu vượt sông sắt, lý trình khoảng Km12+324.2 (tuyến chính); (2) cầu vượt sông Châu Giang, lý trình khoảng Km 0+400 (tuyến nhánh kết nối Vành đai 2 - QL.10).

+ Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần (trong thời gian thi công cầu).

+ Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT, Mức B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Giám sát môi trường không khí (bụi), ồn, rung:

+ Vị trí giám sát:

++ Tuyến chính: (1) KDC thôn Hoàng Đan, xã Phong Doanh, lý trình khoảng Km1+250-1+350; (2) KDC thôn Trung Thượng, xã Vũ Dương, lý trình khoảng Km8+500; (3) KDC thôn Ba Trung, xã Tân Minh, lý trình khoảng Km11+800 (4) KDC thôn Vân Tập, xã Minh Tân, lý trình khoảng Km14+000; (5) KDC thôn Vàng, xã Hiền Khánh, lý trình khoảng Km19+050.

++ Tuyến vành đai 2: (1) KDC TDP Hào Thôn, phường Mỹ Lộc, lý trình khoảng Km2+500; (7) KDC thôn Cấp Tiến 3, phường Nam Định, lý trình khoảng Km9+600; (2) KDC thôn 8 Mỹ Trung, phường Nam Định, lý trình khoảng Km11+000-Km12+200.

++ Tuyến nhánh kết nối đền Trần: (1) KDC thôn La, phường Nam Định, lý trình khoảng Km4+800-Km5+000.

++ Tuyến nhánh kết nối vành đai 2 với tuyến đường nối 02 đền Trần: (1) KDC thôn 8, xã Nam Lý, lý trình khoảng Km0+700.

+ Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (trong thời gian thi công).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Giám sát khác: Giám sát hoạt động đổ đất tại các bãi chứa và hoàn nguyên môi trường tại các khu vực công trường, bãi chứa; giám sát hoạt động thi công các trụ cầu tại các vị trí thi công cầu có trụ dưới dòng chảy; giám sát sạt lở, ngập úng cục bộ.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố úng ngập: sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây cản trở dòng chảy.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, xói lở, bồi lắng: Thi công các hạng mục móng trụ gần vị trí bờ sông theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần bờ sông, suối.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

2.4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, thoát lũ: Thi công bổ sung các hạng mục thoát nước để đảm bảo thoát nước hiện trạng; định kỳ duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước ngang, rãnh dọc tuyến, đảm bảo thoát nước mặt trên tuyến.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định.

c. Các công trình, biện pháp khác:

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét hệ thống hồ ga, rãnh thoát nước tại công trường thi công, dọc tuyến thi công, bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây tắc nghẽn, ngập úng cục bộ.

- Tháo bỏ các hạng mục công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; thanh thải lòng sông, suối, kênh, mương khu vực thi công xây dựng các cầu, cống; san gạt, đầm nén các vị trí thi công, bãi chứa đất đá dư thừa.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các quy định liên quan về đánh giá tác động môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu, khống chế ô nhiễm đã đề ra để đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam.

- Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ dự án cam kết đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn Việt Nam về yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với nước thải thi công xây dựng: xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi tuần hoàn tái sử dụng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với bụi, khí thải: quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Đối với thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường: thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ CTR thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Ninh Bình.

+ Đối với CTNH: thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về

an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện có liên quan đến môi trường:

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

+ Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

+ Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án.

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hệ thủy sinh và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

+ Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông đường bộ và phòng chống lụt bão.

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống xói lở; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực Dự án quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; trong quá trình thi công nếu để xảy ra sạt lở ảnh hưởng đến các công trình xây dựng hoặc gây ảnh hưởng tới hoạt động giao thông thủy phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

+ Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

+ Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và thanh thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

+ Cam kết chỉ thực hiện dự án sau khi được nhận bàn giao mặt bằng sạch.

+ Cam kết sẽ thực hiện hợp đồng, thỏa thuận cung cấp vật liệu xây dựng tại các cơ sở đã được cấp phép theo quy định.

+ Cam kết thực hiện quản lý lượng đất đá phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo quy định của Luật khoáng sản.

+ Cam kết hoàn trả các tuyến đường giao thông hư hỏng, xuống cấp nếu có sử dụng phục vụ thi công dự án. Hoàn trả kênh mương, cống thủy lợi đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

+ Cam kết phối hợp với các nhà thầu thi công giám sát vận tải theo quy định của Luật giao thông, phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án.

+ Chủ đầu tư cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, kết hợp giám sát cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; các chỉ tiêu giám sát phải đảm bảo theo đúng các quy chuẩn hiện hành; thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý và giám sát môi trường, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các giai đoạn của dự án.

+ Niêm yết quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án tại UBND cấp xã nơi triển khai thực hiện dự án.

+ Bố trí tải trọng xe, thời gian vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án hợp lý; quản lý tốt công nhân thi công; phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình thi công để đảm bảo an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Chủ dự án cam kết lập, niêm yết công khai kế hoạch QLMT của dự án, kết quả phê duyệt báo cáo ĐTM tại UBND các địa phương để chính quyền, người dân được biết và giám sát công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thi công dự án cũng như trong quá trình khai thác công trình.

- Chủ dự án cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo. Nếu có gì sai trái, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 




PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRƯỜNG ANH